

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊNH PHỐ LONG K
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 01/02/2021

V/v: “Tranh chấp thực hiện nghĩa
vụ tài sản do người chết để lại”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ LONG K, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế N

Ông Hoàng Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn THnh - Thư ký Tòa án nhân
dân tHnh phố Long K

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Long K, tỉnh Đồng
Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố
Long K, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
17/2018/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp thực
hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 05/2021/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 và Quyết định
hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 25/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn S, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T
H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 10, ấp 18 Gia Đình, xã B Quang, tHnh phố
Long K, Tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Doãn Thị L, sinh năm 1962

2.2. Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1986

2.3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

2.4. Anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp 18 Gia Đình, xã B Quang, tHnh phố Long K,
tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1995

3.2. Cháu Nguyễn Duy B, sinh năm 2019 (chị Y, anh N là đại diện hợp pháp của cháu B).

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp 18 Gia Đình, xã B Quang, tHnh phố Long K.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018, bản tự khai, biên bản ghi lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị T H trình bày:

Do chỗ quen biết ông S, bà H cho ông Nguyễn Duy Thanh vay tiền nhiều lần, khi vay ông Thanh nói lý do vay tiền là để trả tiền mua đất và tiền công thợ, cụ thể như sau:

+ Ngày 11 tháng 5 năm 2016, ông Thanh vay số tiền là 80.000.000 đồng. Thời hạn vay là đến ngày 11/6/2016, giấy vay tiền do ông Thanh ghi và ký tên. Ngày 11 tháng 6 năm 2016 ông Thanh đã trả cho ông S, bà H 35.000.000 đồng tiền gốc và 1.600.000 đồng tiền lãi. Số tiền ông Thanh còn nợ đối với giấy vay ngày 11/5/2016 là 45.000.000 đồng.

+ Ngày 24 tháng 7 năm 2017, ông Thanh vay số tiền là 60.000.000 đồng, không ghi thời hạn vay. Giấy vay tiền do ông Thanh viết và ký tên. Đối với giấy vay này ông Thanh chưa trả lần nào.

Tổng số tiền hai lần ông Thanh vay của ông S, bà H là 105.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa Tận miệng là 2%/tháng.

Cũng trong năm 2017 ông Nguyễn Duy Thanh chết. Ông S, bà H khởi kiện yêu cầu các đồng thừa kế của ông Thanh gồm bà L, anh V, anh N, chị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông bà số tiền gốc là 105.000.000đ.

Ông Thanh chết có để lại tài sản là nH, đất Tộc thừa 214, tờ bản đồ số 28 tại xã B Quang, tHnh phố Long K và số tiền 80.000.000 đồng là khoản nợ bà Nguyễn Thị Lan và ông Lê T Phong nợ ông Thanh. Sau khi ông Thanh chết bà Lan, ông Phong đồng ý thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Thanh theo quyết định công nhận thỏa Tận của các đương sự số 35/2020/QĐST-DS ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tHnh phố Long K.

Tại phiên tòa, ông S, bà H cho rằng khi cho ông Thanh vay tiền bà L không biết, hiện tại bà L và ông Thanh đã ly hôn nên nguyên đơn chỉ yêu cầu các đồng thừa kế của ông Thanh là anh V, anh N, chị T phải thanh toán khoản nợ ông Thanh để lại và không yêu cầu tính lãi suất do chậm trả.

- Theo biên bản ghi lời khai cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Duy V trình bày:

Ông Nguyễn Duy Thanh đã chết vào ngày 24/9/2017. Ông Thanh có vợ là bà Doãn Thị L, sinh năm 1962. Ông Thanh, bà L đã ly hôn vào ngày 30/5/2017. Ông Thanh, bà L có 03 con chung gồm: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1986; anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1990. Ngoài ra ông Thanh không có con riêng hay con nuôi khác.

Cha của ông Nguyễn Duy Thanh tên là Nguyễn Duy Ích, ông Ích chết vào khoảng năm 1979, còn mẹ ông Thanh tên Trần Thị Mùi, bà Mùi chết vào năm 1982.

Anh V xác định Hng thừa kế thứ nhất của ông Thanh gồm có chị Nguyễn Thị T, Nguyễn Duy V, Nguyễn Duy N.

Anh V xác định chữ ký trong hai giấy vay tiền mà bà H, ông S cung cấp là của ông Thanh.

Anh V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông S vì hợp đồng vay tiền không thể hiện được tên người cho vay. Sau này ông Thanh mất, bà H tự ghi thêm phần nội dung bên cho vay. Hợp đồng vay tiền này anh không biết có phải do ông Thanh vay tiền của ông S, bà H hay do ông S, bà H nhất được ở đâu đó và ghi thêm vào. Gia đình anh V với ông S, bà H là Hng xóm, khi ông Thanh còn sống không nhắc gì tới khoản nợ này nên gia đình không biết việc vay mượn nợ giữa ông Thanh với ông S, bà H. Ngoài ra trước khi chết, ông Thanh không để lại di sản gì.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2019 và tại phiên tòa bà Doãn Thị L trình bày:

Bà là vợ của ông Thanh, tuy nhiên bà đã ly hôn với ông Thanh vào năm 2017, do đó bà không phải là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Thanh. Việc vay tiền giữa ông Thanh và ông S, bà H bà không biết nên bà không đồng ý thanh toán số tiền trên.

- Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Duy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Hải Y và cháu Nguyễn Duy B (do anh N, chị Y đại diện) trình bày: Thống nhất với lời khai của anh V.

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Long K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị T H. Buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Duy Thanh gồm anh Nguyễn Duy V, Nguyễn Duy N và chị Nguyễn Thị T phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 105.000.000 đồng cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị T H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện lập ngày 12/11/2018 của nguyên đơn ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị T H xác định ông, bà khởi kiện yêu cầu bà Doãn Thị L và anh Nguyễn Duy V là vợ và con của ông Nguyễn Duy Thanh phải thanh toán cho ông, bà số nợ gốc là 105.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền ông Thanh đã vay. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông S và bà H đã thay đổi và rút yêu cầu đối với bà L, đồng thời đề nghị những người thừa kế của ông Nguyễn Duy Thanh bao gồm: Anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Duy N và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông, bà số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tố tụng của Anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Duy N và chị Nguyễn Thị T (những người thừa kế của ông Thanh) là bị đơn .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu những người thừa kế của ông Nguyễn Duy Thanh phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 105.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản ngày 11/5/2016 và ngày 24/7/2017 đã được ký kết giữa ông S, bà H và ông Thanh trước khi ông Thanh chết (ông Thanh chết ngày 24/9/2017). Đây là quan hệ tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.”

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa ông Nguyễn S và bà Trần Thị T H đã rút yêu cầu về tính lãi và rút yêu cầu về việc buộc những người thừa kế của ông Thanh phải thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu những người thừa kế của ông Nguyễn Duy Thanh phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 105.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản ngày 11/5/2016 và ngày 24/7/2017.

[3.2] Đối với người thừa kế của ông Thanh là: Anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Duy N và chị Nguyễn Thị T; Tại phiên tòa cũng thay đổi yêu cầu và đồng ý trả số nợ 60.000.000 đồng cho ông S, bà H trong giấy mượn tiền ngày 24/7/2017. Riêng đối với hợp đồng cho vay thỏa Tận ngày 11/5/2016 anh V, anh N và chị T không đồng ý thanh toán số tiền trên.

[3.3] Xét các yêu cầu trên nhận thấy:

- Đối với bà Doãn Thị L: Khi ông Thanh vay tiền của ông S, bà H thì bà L không biết. Vào tháng 05/2017 bà L cũng đã ly hôn với ông Thanh, do đó bà L không phải là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thanh nên ông S, bà H rút yêu cầu này là phù hợp. Đối với số tiền vay của ông Thanh, khi khởi kiện ông S, bà H có yêu cầu những người thừa kế của

ông Thanh phải thanh toán số tiền gốc cùng lãi suất do chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông S, bà H đã rút yêu cầu này cùng với việc rút yêu cầu thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng. Xét các yêu cầu trên của ông S, bà H là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

- Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ngày 24/7/2017 được ký kết giữa ông S, bà H và ông Thanh. Tại phiên tòa những người thừa kế của ông Thanh là anh V, anh N và chị T đồng ý thanh toán cho ông S, bà H. Xét yêu cầu trên là tự nguyện nên được chấp nhận.

- Đối với hợp đồng cho vay thỏa Tận lập ngày 11/5/2016: Khi khởi kiện ông S, bà H nộp bản phô tô (BL 12) đến khi Tòa án yêu cầu nộp bản chính (BL 35) có sự khác nhau ở giấy vay tiền bản chính có tên người cho vay còn bản phô tô không có. Anh V cùng với những người thừa kế của ông Thanh cho rằng không có tên người cho vay nên không biết ông Thanh vay tiền của ai khác và ông S, bà H nhất được giấy ghi thêm vào, nên không đồng ý trả.

Xét thấy: Hợp đồng cho vay thỏa Tận lập ngày 11/5/2016, bản chính do ông Thanh viết, ký tên ghi rõ số tiền vay, thời hạn trả nợ và được ông S, bà H cất giữ. Thời điểm cho ông Thanh vay tiền, ông S, bà H không ghi đầy đủ các nội dung trong giấy vay tiền là thiếu sót của ông bà. Tuy nhiên, việc ông Thanh vay tiền của ông S, bà H là có thật. Quá trình làm việc thời gian đầu anh V thừa nhận nợ và hẹn thời gian trả nợ cho ông S, bà H (BL 6, 7 và 66), nhưng sau đó anh V không đồng ý trả. Tại phiên tòa hôm nay anh V, anh N và chị T là những người thừa kế của ông Thanh lại chấp nhận trả 60.000.000 đồng tiền vay của giấy nợ ngày 24/7/2017, còn lại số tiền 80.000.000 đồng tại giấy nợ ngày 11/5/2016 các anh, chị không đồng ý trả và cho rằng đây là giấy vay tiền ông Thanh viết cho người khác mà ông S, bà H nhất được về ghi thêm, nên không đồng ý trả. Tuy nhiên, anh V, anh N, chị T không cung cấp được chứng cứ, chứng minh. Ông S, bà H đã cung cấp bản chính “Hợp đồng cho vay thỏa Tận” ngày 11/5/2016. Quá trình làm việc, anh V không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền do bà H, ông S cung cấp là của ông Thanh. Sau đó ông S, bà H yêu cầu tiến hành giám định chữ viết, chữ ký. Tại Kết luận giám định số: 3236/C09B, ngày 05/8/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ viết, chữ ký là do cùng một người (ông Nguyễn Duy Thanh) ký, viết ra. Sau khi có kết quả giám định anh V, anh N, chị T thừa nhận chữ viết, chữ ký trên các giấy vay tiền là của ông Thanh. Ngoài ra khi ông S, bà H cho ông Thanh vay tiền thì có ông H Minh Điền là người Hng xóm chứng kiến và tại phiên tòa ông Điền đã xác nhận sự việc trên. Do đó yêu cầu của ông S, bà H là có cơ sở được chấp nhận.

[3.3] Về số tiền phải thanh toán và lãi suất:

- Đối với tiền gốc: Tại các giấy vay tiền ngày 11/5/2016 và ngày 24/7/2017 với tổng số tiền ông Thanh nợ ông S, bà H là 140.000.000 đồng. Ông S, bà H thừa nhận ông Thanh đã trả số tiền 35.000.000 đồng vào ngày

11/6/2016 (không ghi giấy trả nợ). Do đó số tiền gốc ông Thanh còn thiếu ông S, bà H là 105.000.000đ.

- Đối với yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa; ông S, bà H không yêu cầu tính lãi do chậm trả, nên không xem xét. Riêng số lãi đã trả, ông S, bà H cho rằng ông Thanh đã trả cho ông, bà số tiền lãi là 1.600.000 đồng vào ngày 11/6/2016. Tuy nhiên anh V, anh N và chị T không yêu cầu tính lại lãi suất nên không xem xét.

[3.4] Về di sản ông Thanh để lại:

- Trước khi ông Nguyễn Duy Thanh chết, ông Nguyễn Duy Thanh và bà Doãn Thị L có tài sản là nH, đất tại thửa số 214, tờ bản đồ số 28 với diện tích là 266,0m² địa chỉ tại ấp 18 gia đình, xã B Quang, tHnh phố Long K, tỉnh Đồng Nai. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tài sản trên là do ông Thanh, bà L nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Nhung. Sau khi ông Thanh chết, bà L, anh N, anh V, chị T cử người đại diện là anh Nguyễn Duy V đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 539860, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 09283 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/4/2020.

Đồng thời ngày 12/5/2014, ông Thanh có cho bà Nguyễn Thị Lan và ông Lê T Phong vay số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi ông Thanh chết, bà Lan, ông Phong đồng ý thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Thanh gồm anh V, bà L, chị T, anh N theo quyết định công nhận thỏa Tận của các đương sự số: 35/2020/QĐST-DS ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tHnh phố Long K.

Các di sản ông Thanh để lại hiện nay chưa được chia; do bà L, anh V, anh N, chị T quản lý.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 25/8/2020 thì đất và nH có giá trị là: 258.752000đ và 80.000.000đ, cụ thể:

- + Đất: 266m² x 170.000 đ/m² = 45.220.000đ
- + NH ở chính diện tích: 103,85m² (nH cấp 4) = 173.838.000đ
- + NH kho (nH dưới cấp 4) diện tích 37,23m² = 21.666.000đ
- + Mái tôn = 7.826.000đ
- + Tường rào xây cao dưới 1m6: 1.746.000đ
- + Hng rào khung sắt: 4.842.000đ
- + Tường rào xây cao trên 1m6: 3.614.000đ
- + Số tiền bà Lan, ông Phong còn nợ ông Thanh: 80.000.000 đ

Đây là các tài sản có trong thời kỳ hôn nhân với bà L, căn cứ quy định pháp luật ông Thanh có ½ giá trị đối với các tài sản này.

Do đó anh V cho rằng khi chết ông Thanh không để lại tài sản gì là

không có căn cứ. Anh V, anh N và chị T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ đối với tài sản do ông Thanh để lại, nhưng không thực hiện việc trả nợ cho ông Thanh là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của ông S, bà H về việc buộc các đồng thừa kế của ông Thanh có trách nhiệm trả nợ với tổng số tiền là 105.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3.5] Nghĩa vụ trả nợ:

Các đồng thừa kế Tộc Hng thừa kế thứ nhất của ông Thanh là anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Duy N và chị Nguyễn Thị T là những người đang quản lý di sản của ông Thanh, nên phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ do ông Thanh để lại. Tổng số nợ là 105.000.000 đồng: Anh V, anh N, chị T; mỗi người có trách nhiệm trả 1/3 số nợ trên là 35.000.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa ông S, bà H đã rút yêu cầu về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của ông S, bà H được chấp nhận nên anh V, anh N và chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; 35, 39, 68, 92, 147, 207, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 615, 617, 618, 623, 651, 658 - Bộ luật dân sự năm 2015:

Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn S và bà Trần Thị T H. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Duy Thanh là: Anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Duy N và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn S và bà Trần Thị T H tổng số tiền: 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng). Cụ thể:

- Anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Duy N và chị Nguyễn Thị T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn S và bà Trần Thị T H số tiền: 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Duy N và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu: 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn S và bà Trần Thị T H số tiền 2.625.000 đồng (Hai triệu S trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 002983 ngày 06/12/2018.

3. Kể từ ngày người được thi Hình án có đơn yêu cầu thi Hình án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa Tận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Phan Anh Kiệt

Mai Văn K

Nguyễn Thế N

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.Long K;
- Chi cục THADS Tp.Long K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Anh Kiệt

